

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 1853/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 17 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Đến Số: 5940 Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Tư.
Ngày: 23/11/2021.

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

I. SỰ CẨM THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
 - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
 - Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015:
 - + Điểm h Khoản 9 Điều 30 quy định:
- “9. Đối với **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:
- ...

h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số **nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương** ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi

ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”

+ Khoản 9 Điều 31 quy định:

“9. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ:

a) Lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 30 của Luật này;”

- Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006.
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.

- Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu:

+ Khoản 9 Điều 8 quy định:

“9. Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định theo quy định của pháp luật.”

+ Điểm b khoản 1 Điều 9 quy định:

“Điều 9. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Nghị định này được bố trí trong dự toán ngân sách thể dục, thể thao hàng năm theo chế độ hiện hành của Nhà nước về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước:

...

b) Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chi trả tiền lương, tiền hỗ trợ, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài, chi phí khám, chữa bệnh, tai nạn, tiền trợ cấp và tiền bồi thường theo quy định cho huấn luyện viên, vận động viên thuộc bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý; chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao của bộ, ngành, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.”

- Tại Công văn số 1530/TCTDTT-TCCB ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tổng cục Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn:

“Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Hội đồng nhân dân quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách. Trên cơ sở quyết định của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên,

vận động viên của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thi đấu lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia và của tỉnh phù hợp với tình hình của địa phương và theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.”.

Căn cứ các quy định, hướng dẫn nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành nghị quyết quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Căn cứ thực tiễn

Những năm gần đây, thể dục thể thao (sau đây viết là TDTT) tỉnh Gia Lai đã và đang phát triển nhanh và bền vững, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh và xu hướng phát triển chung của TDTT Việt Nam; góp phần khẳng định vị thế của TDTT tỉnh Gia Lai trên toàn quốc; quảng bá hình ảnh quê hương và con người tỉnh Gia Lai với bạn bè trong nước và quốc tế.

Để đạt được thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao, các huấn luyện viên, vận động viên đã phải vượt lên khó khăn, gian khổ, trải qua quá trình khổ luyện với cường độ cao, với tinh thần quyết tâm, nỗ lực trong rèn luyện và thi đấu; chiến thắng để đưa vinh quang về cho tỉnh. Những thành tích đạt được không chỉ là chiến thắng của TDTT mà còn là chiến thắng của sự đoàn kết, quyết tâm, là ý thức trách nhiệm lớn trước sự nghiệp phát triển TDTT, sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định về chính sách động viên, khích lệ đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện. Việc ban hành chính sách tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện sẽ kịp thời tuyên dương, khen thưởng, ghi nhận những công hiến, đóng góp của vận động viên, huấn luyện viên đối với sự phát triển của TDTT tỉnh Gia Lai nói riêng, TDTT Việt Nam nói chung đồng thời tạo điều kiện, khích lệ đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên an tâm công tác và công hiến.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

a) Ban hành chính sách áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Ban hành chính sách đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo hiệu quả, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, không trùng lắp giữa chính sách của trung ương và chính sách của địa phương.

2. Quan điểm ban hành nghị quyết

Việc ban hành chính sách đảm bảo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số

152/2018/NĐ-CP và tình hình thực tế của tỉnh Gia Lai; đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về chính sách tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

2. Đối tượng áp dụng

a) Vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện.

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Mục tiêu của chính sách

Ghi nhận công sức, sự cống hiến của vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao đối với sự phát triển của TDNN tỉnh Gia Lai; động viên, khích lệ tinh thần, tạo niềm tin, động lực, tâm lý an tâm tập luyện, thi đấu, phấn đấu trong đội ngũ đoàn thể thao, huấn luyện viên, vận động viên; là động lực trực tiếp giúp đoàn thể thao, huấn luyện viên, vận động viên nỗ lực tập luyện và thi đấu, giành được nhiều thành tích trong các Đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, khu vực, toàn quốc, cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Nội dung của chính sách

2.1. Chính sách tiền thưởng đối với vận động viên

2.1.1. Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu cá nhân (trừ trường hợp vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao có quy định lứa tuổi) được hưởng mức tiền thưởng như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Đại hội, giải thi đấu thể thao	Mức tiền thưởng			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
A	THÀNH TÍCH TẠI ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP QUỐC GIA, CẤP KHU VỰC				
01	Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc	10.000	6.000	4.000	4.000

02	Giải vô địch quốc gia	10.000	6.000	4.000	4.000
03	Giải vô địch cúp quốc gia; giải vô địch các đội mạnh quốc gia; giải khu vực toàn quốc	7.000	5.000	3.000	-
04	Giải vô địch trẻ quốc gia				
a	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi	5.000	3.000	2.000	2.000
b	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	4.000	2.400	1.600	1.600
c	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	3.000	1.800	1.200	1.200
d	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	2.000	1.200	800	800
05	Giải thi đấu thể thao quần chúng khu vực và toàn quốc trong hệ thống thi đấu quốc gia	2.000	1.200	800	-
B	THÀNH TÍCH TẠI ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP TỈNH				
01	Đại hội thể dục, thể thao cấp tỉnh	800	650	500	-
02	Giải vô địch cấp tỉnh; Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số cấp tỉnh; Hội thi, hội thao cấp tỉnh	650	500	350	-
03	Hội khỏe phù đồng cấp	500	350	200	-
C	THÀNH TÍCH TẠI ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP HUYỆN				
01	Đại hội thể dục, thể thao cấp huyện	500	350	200	-
02	Giải vô địch cấp huyện; hội thi, hội thao cấp huyện; Hội khỏe phù đồng cấp huyện	350	250	200	-

2.1.2. Vận động viên lập thành tích thi đấu tại đại hội, giải thi đấu thể thao trong các môn hoặc nội dung thi đấu cá nhân có quy định lứa tuổi (trừ các giải vô địch trẻ quốc gia) được hưởng mức tiền thưởng như sau:

a) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 20% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao.

b) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 30% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao.

c) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 40% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao.

d) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 50% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao.

2.1.3. Các vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn hoặc nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức tiền thưởng chung bằng số lượng vận động viên được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao.

2.2. Chính sách tiền thưởng đối với huấn luyện viên

Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển và huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển (sau đây viết là huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện) được hưởng mức tiền thưởng như sau:

2.2.1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện vận động viên lập thành tích thi đấu tại đại hội, giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu cá nhân.

a) Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng mức tiền thưởng bằng 60% mức tiền thưởng của 01 (một) vận động viên lập thành tích cao nhất tại đại hội, giải thi đấu thể thao.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng mức tiền thưởng bằng 40% mức tiền thưởng của 01 (một) vận động viên lập thành tích cao nhất tại đại hội, giải thi đấu thể thao.

2.2.2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện đội tuyển lập thành tích thi đấu tại đại hội, giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức tiền thưởng chung đối với 01 (một) thành tích cao nhất đạt được tại đại hội, giải thi đấu thể thao, như sau:

a) Mức tiền thưởng chung bằng mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau:

- Đội tuyển dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đội tuyển từ 05 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đội tuyển từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

- Đội tuyển từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên.

- Đội tuyển trên 15 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

b) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60% số tiền thưởng.

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40% số tiền thưởng.

2.3. Chính sách tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích trong các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức tiền thưởng chung đối với huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức tiền thưởng tương ứng.

2.4. Chính sách tiền thưởng đối với Đoàn thể thao

a) Đoàn thể thao đạt giải Nhất toàn đoàn được hưởng mức tiền thưởng bằng 05 lần mức tiền thưởng đối với vận động viên đạt huy chương vàng tại đại hội, giải thi đấu thể thao tương ứng.

b) Đoàn thể thao đạt giải Nhì toàn đoàn được hưởng mức tiền thưởng bằng 05 lần mức tiền thưởng đối với vận động viên đạt huy chương bạc tại đại hội, giải thi đấu thể thao tương ứng.

c) Đoàn thể thao đạt giải Ba toàn đoàn được hưởng mức tiền thưởng bằng 05 lần mức tiền thưởng đối với vận động viên đạt huy chương đồng tại đại hội, giải thi đấu thể thao tương ứng.

3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

a) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Lý do lựa chọn chính sách

- Chính sách đem lại hiệu quả thiết thực, có sức lan tỏa trong cộng đồng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc; góp phần hoàn thành mục tiêu Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị và các chương trình, kế hoạch phát triển TDTT của tỉnh đề ra.

- Ghi nhận công sức, sự cống hiến của vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao đối với sự phát triển của TDTT tỉnh Gia Lai; động viên, khích lệ tinh thần, tạo niềm tin, động lực, tâm lý an tâm tập luyện, thi đấu, phấn đấu trong đội ngũ đoàn thể thao, huấn luyện viên, vận động viên; là động lực trực tiếp giúp đoàn thể thao, huấn luyện viên, vận động viên nỗ lực tập luyện và thi đấu, giành được nhiều thành tích trong các Đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, khu vực, toàn quốc, cấp tỉnh, cấp huyện.

- Kêu gọi, thu hút nhân tài TDTT về luyện tập, thi đấu; thu hút huấn luyện viên, vận động viên có tài năng phục vụ, cống hiến cho sự nghiệp phát triển TDTT tỉnh Gia Lai nói riêng, TDTT Việt Nam nói chung.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐÁM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nguồn lực, điều kiện về tài chính

a) Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách

Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách được tính toán dựa trên thành tích đạt được của vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện giai đoạn 2019 - 2020. Cụ thể:

Năm 2019: 2.133.130.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)

Năm 2020: 2.002.150.000 đồng (Hai tỷ không trăm lẻ hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)

Kinh phí dự kiến để thực hiện chính sách được tính trung bình bằng: 2.179.147.000 đồng/năm (Hai tỷ một trăm bảy mươi chín triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

(Chi tiết tại Biểu chi tiết dự kiến kinh phí thực hiện chính sách tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích trong giai đoạn 2019-2020)

b) Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện chính sách

Kinh phí chi tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao theo quy định tại Nghị quyết này được bối trí trong dự toán ngân sách sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm theo quy định pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ Tư - HĐND tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét, quyết định./. Nguen

Noi nhận:

- Nhu trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Ban VHXH, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Lịch

Số: /2021/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Văn bản số 1530/TCTDTT-TCCB ngày 01/11/2019 của Tổng cục Thể dục thể thao về quy định chế độ tiền thưởng theo thành tích thi đấu đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét Tờ trình số 1853/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về dự thảo Nghị quyết quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện.

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức tiền thưởng đối với vận động viên

1. Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu cá nhân (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) được hưởng mức tiền thưởng như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Đại hội, giải thi đấu thể thao	Mức tiền thưởng			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
A THÀNH TÍCH TẠI ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP QUỐC GIA, CẤP KHU VỰC					
01	Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc	10.000	6.000	4.000	4.000
02	Giải vô địch quốc gia	10.000	6.000	4.000	4.000
03	Giải vô địch cúp quốc gia; giải vô địch các đội mạnh quốc gia; giải khu vực toàn quốc	7.000	5.000	3.000	-
04	Giải vô địch trẻ quốc gia				
a	Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi	5.000	3.000	2.000	2.000

b	Giải thi đấu thẻ thaodành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	4.000	2.400	1.600	1.600
c	Giải thi đấu thẻ thaodành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	3.000	1.800	1.200	1.200
d	Giải thi đấu thẻ thaodành cho vận động viên dưới 12 tuổi	2.000	1.200	800	800
05	Giải thi đấu thẻ thaoquân chúng khu vực và toàn quốc trong hệ thống thi đấu quốc gia	2.000	1.200	800	-
B	THÀNH TÍCH TẠI ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP TỈNH				
01	Đại hội thể dục, thể thao cấp tỉnh	800	650	500	-
02	Giải vô địch cấp tỉnh; Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số cấp tỉnh; Hội thi, hội thao cấp tỉnh	650	500	350	-
03	Hội khỏe phù đồng cấp tỉnh	500	350	200	-
C	THÀNH TÍCH TẠI ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO CẤP HUYỆN				
01	Đại hội thể dục, thể thao cấp huyện	500	350	200	-
02	Giải vô địch cấp huyện; hội thi, hội thao cấp huyện;Hội khỏe phù đồng cấp huyện	350	250	200	-

2. Vận động viên lập thành tích thi đấu tại đại hội, giải thi đấu thể thao trong các môn hoặc nội dung thi đấu cá nhân có quy định lứa tuổi (trừ các giải vô địch trẻ quốc gia) được hưởng mức tiền thưởng như sau:

a) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 20% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 30% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 40% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1 Điều này.

d) Môn hoặc nội dung thi đấu dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: Mức tiền thưởng bằng 50% mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn hoặc nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức tiền thưởng chung bằng số lượng vận động viên được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 3. Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên

Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển và huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển (sau đây viết là huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện) được hưởng mức tiền thưởng như sau:

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện vận động viên lập thành tích thi đấu tại đại hội, giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu cá nhân.

a) Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng mức tiền thưởng bằng 60% mức tiền thưởng của 01 (một) vận động viên lập thành tích cao nhất tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng mức tiền thưởng bằng 40% mức tiền thưởng của 01 (một) vận động viên lập thành tích cao nhất tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo, huấn luyện đội tuyển lập thành tích thi đấu tại đại hội, giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được

hưởng mức tiền thưởng chung đối với 01 (một) thành tích cao nhất đạt được tại đại hội, giải thi đấu thể thao, như sau:

a) Mức tiền thưởng chung bằng mức tiền thưởng đối với vận động viên lập thành tích tương ứng tại đại hội, giải thi đấu thể thao quy định tại Điều 2 Nghị quyết này nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau:

- Đội tuyển dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đội tuyển từ 05 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đội tuyển từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

- Đội tuyển từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên.

- Đội tuyển trên 15 vận động viên tham gia thi đấu: Mức tiền thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

b) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng quy định tại điểm a khoản này được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60% số tiền thưởng quy định tại điểm a khoản này.

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40% số tiền thưởng quy định tại điểm a khoản này.

Điều 4. Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích trong các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức tiền thưởng chung đối với huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức tiền thưởng tương ứng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 5. Mức tiền thưởng đối với Đoàn thể thao

1. Đoàn thể thao đạt giải Nhất toàn đoàn được hưởng mức tiền thưởng bằng 05 lần mức tiền thưởng đối với vận động viên đạt huy chương vàng tại đại hội, giải thi đấu thể thao tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Đoàn thể thao đạt giải Nhì toàn đoàn được hưởng mức tiền thưởng bằng 05 lần mức tiền thưởng đối với vận động viên đạt huy chương bạc tại đại hội, giải thi đấu thể thao tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Đoàn thể thao đạt giải Ba toàn đoàn được hưởng mức tiền thưởng bằng 05 lần mức tiền thưởng đối với vận động viên đạt huy chương đồng tại đại hội, giải thi đấu thể thao tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí chi tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao theo quy định tại Nghị quyết này được bố trí trong dự toán ngân sách sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm theo quy định pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Điều 7. Tổ chức thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày.... tháng.... năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng năm/.

Noi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- VPQH, VPCP;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính; Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Bộ VHTTDL; Vụ pháp chế (BVHTTDL);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website:<http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH